

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 221/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 02 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận  
pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ  
Trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7  
năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt  
chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết  
quả thẩm định của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 31 tháng 01 năm  
2023;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận xã, thị trấn trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh  
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tư pháp,  
Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, thị trấn có tên  
tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Ban chỉ đạo NTM;
- TT. Huyện Ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PTP.



**CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Ân



**DANH SÁCH**  
**Các xã, thị trấn được Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**  
**năm 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 02 / 02 / 2022 của Chủ tịch  
UBND huyện Châu Thành, Tây Ninh)

STT	ĐƠN VỊ	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					GHI CHÚ
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 4	
<b>I</b>	<b>Xã loại 1</b>							
1	Xã Đồng Khởi	97	9	30	14	19	25	
2	Xã Hòa Hội	92	9	29.5	14.5	20	19	
3	Xã Biên Giới	91.75	9	28	11.75	19	24	
4	Xã Ninh Điền	91.5	9	27.5	12	18	25	
5	Xã Thái Bình	91	9	28	15	20	19	
6	Xã Thành Long	90	9	25	15	17	24	
7	Xã An Cơ	88.5	9	29.5	13	18	19	
8	Xã Hảo Đức	88	9	24	15	17	23	
9	Xã Thanh Điền	87.5	9	30	14	17	17.5	
10	Xã Hòa Thạnh	86.5	9	25	12	17	23.5	
11	Xã Phước Vinh	84.5	8	22.5	13	17	24	
<b>II</b>	<b>Xã loại 2</b>							
1	Xã Trí Bình	95.5	9	28,5	15	19	24	
2	Thị trấn Châu Thành	94	9	29	13	18	25	
3	An Bình	92.5	9	28	15	17	23.5	
4	Xã Long Vĩnh	91.5	9	26.5	15	17	24	

